

LEGEND:

NEW ROADWAY (CONCRETE)

NEW ROADWAY (ASPHALT)

NEW SIDEWALK/DRIVEWAY

NEW LANDSCAPING

BUS RAPID TRANSIT STATION

BUS LANE

BIKE LANES

STORM DRAINAGE

RELOCATED LOAD ZONE

TRAFFIC SIGNAL THAT PRIORITIZES TRANSIT

TREE LEGEND:

EXISTING TREE

NEW TREE

TREE TO BE REMOVED

TREE REMOVAL AND REPLACEMENT

圖示:

新的道路(混凝土)

新的道路(瀝青)

新的人行道/私家車道

新的環境美化

巴士捷運站

巴士車道

單車道

暴雨排水

重新安置的裝運區

公交優先交通指示燈

樹 圖示:

現有樹木

新的樹木

需移除的樹木

樹木移除及替換

CHÚ THÍCH:

ĐƯỜNG MỚI (BÊ TÔNG)

ĐƯỜNG MỚI (NHỰA ĐƯỜNG)

VÍA HÈ/ĐƯỜNG XE VÀO NHÀ MỚI

CẢNH QUAN MỚI

TRẠM XE BUÝT QUÁ CẢNH NHANH

LÀN XE BUÝT

LÀN XE ĐẠP

CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

KHU VỰC LÊN XE ĐƯỢC DI DỜI

TÍN HIỆU GIAO THÔNG ƯU TIÊN CHO PHƯƠNG TIỆN CÔNG CỘNG

CHÚ THÍCH CÂY:

CÂY HIỆN CÓ

CÂY MỚI

CÂY CẮN CÁT BỎ

CẮT BỎ VÀ THAY THẾ CÂY

범례:

새 도로 (콘크리트)

새 도로 (아스팔트)

새 인도/ 차도

새 조경

고속 버스 정류장

버스 전용차선

자전거 전용차선

폭풍 배수

제배치된 적재 구역

대중 교통을 우선시하는 교통 신호

수목 범례:

기존 나무

새로운 나무

제거될 나무

수목의 제거 및 교체